

Số: 613 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 169/TTg-CN ngày 12/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 18/TTr-SCT ngày 13/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với các nội dung sau:

1. Mục tiêu

Khoan định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, nhằm bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các khu vực dành cho quốc phòng, an ninh, tôn giáo, khu công nghiệp, bảo vệ các công trình công cộng phục vụ lợi ích kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tổng diện tích các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm: 2.007 khu vực, 2.187 vị trí, điếm với tổng diện tích 590.043,59 ha, trong đó:

- Có 1.549 khu vực, 2.187 vị trí, điếm cấm hoạt động khoáng sản với tổng diện tích 567.541,53 ha liên quan đến các diện tích đất thuộc khu vực: di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ và đất quy hoạch là rừng phòng hộ; đất quốc phòng, an ninh; đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ các công trình giao thông; hồ thủy lợi; công trình điện; hệ thống cấp thoát nước; xử lý chất thải; xăng dầu; thông tin liên lạc; đất dành cho công nghiệp; đất trồng lúa; các khu

vực cấm khai thác cát lòng sông.

- Có 458 khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản với tổng diện tích là 22.502,06 ha liên quan đến các diện tích đất thuộc khu vực: di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đang được nhà nước xem xét; đất quy hoạch cho các công trình giao thông, thủy lợi, công trình điện và đất dành cho công nghiệp.

(Bảng tổng hợp số lượng các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và diện tích khoanh định kèm theo).

Hồ sơ khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do Sở Công Thương Đắk Lắk lập đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định tại Công văn số 439/BTNMT-ĐCKS ngày 25/01/2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Công Thương chủ trì công bố công khai các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức quản lý, triển khai Quyết định này theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, cần điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu của công tác quản lý; các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời tiến hành rà soát, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. *lm*

Nơi nhận: *ndh*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các phòng: CN, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Trung.45b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giảng Gry Niê Knong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK



Bảng tổng hợp số lượng các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và diện tích khoanh định trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số 673 /QĐ-UBND ngày 28/3/2019)

STT	Đối tượng	Khu vực	Vị trí, điểm	Diện tích (ha)
I	Đối tượng cấm hoạt động khoáng sản	1.549	2.187	567.541,53
1	Đất di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	28		35.253,09
2	Đất rừng đặc dụng	10		227.902,30
3	Đất rừng phòng hộ	24		71.994,00
4	Đất quốc phòng	299		98.664,54
5	Đất an ninh	66		2.343,16
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	289		76,35
7	Đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình			
	<i>Giao thông</i>	99		12.187,62
	<i>Công trình hồ thủy lợi</i>	602		18.635,99
	<i>Công trình điện</i>	57		3.741,86
	<i>Hệ thống cấp nước, thoát nước</i>	7		31,50
	<i>Hệ thống xử lý chất thải</i>	2		72
	<i>Hệ thống xăng dầu</i>		517	31,02
	<i>Hệ thống thông tin liên lạc</i>		1.670	53,35
8	Các khu vực khác			
	<i>Đất dành cho công nghiệp</i>	17		1.373,72
	<i>Đất trồng lúa</i>			95.000
	<i>Đất cấm khai thác cát lòng sông</i>	49		181,03
II	Đối tượng tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	458		22.502,06
1	Đất di tích lịch sử – văn hóa, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét	38		38,82
2	Đất quy hoạch công trình giao thông	25		1.664,58
3	Đất quy hoạch công trình hồ thủy lợi	384		20.250,04
4	Đất quy hoạch công trình điện	2		146,42
5	Đất quy hoạch công trình công nghiệp	9		402,20
Tổng cộng		2.007	2.187	590.043,59